

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 31-5-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 31/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** [Phạm Thị Ánh N, sinh năm: 1996.](#)

[Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.](#)

**- Bị đơn:** Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1991.

[Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.](#)

Chị N có mặt, anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh N vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày: Chị N và anh H chung sống với nhau từ năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được đến tháng 8/2021 thì ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh H có hai người con chung là Phạm Thị Ngọc D (sinh ngày 25/12/2013) và Phạm Đức K (sinh

ngày 29/11/2018). Hiện tại, cháu D và cháu K đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu K.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày: Anh và chị N chung sống với nhau vào năm 2012 không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đồng ý theo yêu cầu của chị N.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh H và chị N có hai người con chung là Phạm Thị Ngọc D (sinh ngày 25/12/2013) và Phạm Đức K (sinh ngày 29/11/2018). Hiện tại, cháu D và cháu K đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc chị N khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự, bị đơn anh H hiện nay đang cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Anh H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị với anh H là vợ chồng. Về con chung, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Ngọc D (sinh ngày 25/12/2013) và Phạm Đức K (sinh ngày 29/11/2018); về tài sản chung, nợ chung không có.

Hội đồng xét xử **xét thấy:** Trong quá trình giải quyết vụ án chị N và anh H đều xác định vợ chồng chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn; hiện nay giữa vợ chồng đã có mâu thuẫn với nhau trầm trọng, không còn muốn chung sống với nhau nữa. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, không công nhận chị N và anh H là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án,

anh H đồng ý giao cháu D và cháu K cho chị N nuôi dưỡng. Ngoài ra, cháu Phạm Thị Ngọc D cũng có nguyện vọng được chung sống với chị N. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, quyền lợi mọi mặt của cháu D và cháu K căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu D và cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị N không yêu cầu).

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Ánh N và anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc D (sinh ngày 25/12/2013) và cháu Phạm Đức K (sinh ngày 29/11/2018) cho chị Phạm Thị Ánh N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị N không yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự trình bày không có nên không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phạm Thị Ánh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0003648 quyền số 0073 ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án

dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Chị Phạm Thị Ánh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***

- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Khang**